

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GÒ DẦU
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 69/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 22-7-2019

V/v Tranh chấp về ly hôn và
nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ DẦU, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Tuấn Anh.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Phan Thị Kiên.

2. Ông Nguyễn Văn Thản.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hồ Thị Ngọc Dung – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Ông Võ Văn Sỹ – Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 7 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 331/2019/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 5 năm 2019 về tranh chấp ly hôn và nuôi con, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 23/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 21 tháng 6 năm 2019 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị Mộng T, sinh năm 1980. Địa chỉ: Ô 5/115A, khu phố A, thị trấn G, huyện G, tỉnh Tây Ninh. Tạm trú: Ô 1, khu phố A, thị trấn G, huyện G, tỉnh Tây Ninh (có mặt).

2. *Bị đơn:* Anh Nguyễn Tiến D, sinh năm 1977. Địa chỉ: Ô 5/115A, khu phố A, thị trấn G, huyện G, tỉnh Tây Ninh (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và các lần hòa giải nguyên đơn chị Nguyễn Thị Mộng T trình bày:

Chị và anh Nguyễn Tiến D chung sống với nhau vào năm 1997, có tìm hiểu trước khoảng 01 năm, hôn nhân tự nguyện, có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn G vào ngày 23-8-2011. Ngày làm lễ cưới gia đình anh D có cho chị 01 đôi bông tai 01 chỉ vàng 24K, 01 sợi dây chuyền 02 chỉ vàng 24K. Hiện số nữ trang này không còn do vợ chồng chị đã bán để chăm sóc gia đình. Sau

đó vợ chồng chị về nhà cha mẹ chồng tại Ô 5, khu phố A, thị trấn G, huyện G sinh sống và làm ăn.

Anh chị chung sống hạnh phúc đến khoảng đầu năm 2019 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do anh D thường xuyên rượu chè, nóng tính nên kiếm chuyện chửi mắng và đánh đập chị. Bên cạnh đó, mẹ chồng chị lại khó khăn, mọi việc trong gia đình đều do chị lo lắng, chăm sóc nhưng anh D không thương mà bênh vực mẹ chồng chửi lại chị. Anh D có quan hệ với người phụ nữ khác bên ngoài nhưng lại không thừa nhận mà chỉ nói là bạn bè. Khoảng năm 2009 – 2010 chị đã nộp đơn ly hôn nhưng do anh D năn nỉ và cắt 01 ngón tay trở bên trái để cam kết thay đổi nên chị rút đơn ly hôn. Sau đó, anh D vẫn nhậu nhẹt, cờ bạc và chị đã khuyên nhiều lần nhưng anh D không thay đổi. Đến ngày 14-4-2019 chị bỏ ra đi thuê nhà trọ tại Ô 1, khu phố A, thị trấn G, huyện G sống cho đến nay, vợ chồng chị ly thân nhau từ thời gian này. Kể từ ngày ly thân vợ chồng chị có gặp mặt nhau vài lần nhưng không thể bàn bạc việc đoàn tụ. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn và không thể hàn gắn được nữa nên chị yêu cầu được ly hôn với anh D.

Về con chung: Anh chị có 01 người con tên Nguyễn Thành N, sinh ngày 30-01-2004. Hiện cháu N đang sống với anh D nên chị yêu cầu giao cháu N cho anh D được quyền tiếp tục nuôi dưỡng và chị không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Chị không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Không có nên chị không yêu cầu giải quyết.

Bị đơn anh Nguyễn Tiến D trình bày:

Anh thống nhất với lời trình bày của chị Thu về hôn nhân, con chung, tài sản chung và nợ chung.

Về nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn do buồn chuyện gia đình nên anh có nhậu nhẹt, chửi mắng và đánh một lần làm chị T chảy máu. Mẹ anh cũng khó khăn với chị T nhưng anh không thể hòa giải được mâu thuẫn giữa chị T và mẹ anh. Khoảng năm 2009 – 2010 chị T nộp đơn ly hôn, anh đã cắt ngón tay trở trái để cam kết nên chị T rút đơn ly hôn, nhưng do chị T ghen tuông vô cớ, thực tế anh và người phụ nữ khác chỉ là bạn bè làm ăn chung. Anh cũng có đánh bài chung với anh chị dòng họ khi có đám tiệc, không có cờ bạc thường xuyên. Nhưng do chị T mâu thuẫn với mẹ anh nên ngày 14-4-2019 chị T bỏ ra thuê nhà trọ sống cho đến nay, anh đã nhiều lần khuyên chị T về chung sống lo cho con nhưng chị T không đồng ý. Hiện anh vẫn còn tình cảm với chị T nên yêu cầu được đoàn tụ, không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Trường hợp Tòa án cho ly hôn, anh yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu Nguyễn Thành N, sinh ngày 30-01-2004 và anh không yêu cầu chị T phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có nên anh không yêu cầu giải quyết.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật và giải quyết vụ án:

- Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa; việc chấp hành của người tham gia tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến khi vào nghị án được thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Căn cứ vào các điều 56, 81 và 82 của Luật Hôn nhân và gia đình đề nghị: Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị T đối với anh D, chị T được ly hôn với anh D; về con chung: Giao cho anh D có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Nguyễn Thành N, sinh ngày 30-01-2004, ghi nhận anh D không yêu cầu chị T phải cấp dưỡng nuôi con; về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa; kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng:* Bị đơn anh D đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vắng mặt nên vụ án vẫn được tiến hành xét xử theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] *Về nội dung vụ án:*

[2.1] Về hôn nhân: Chị T và anh D chung sống với nhau vào năm 1997 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn G. Do đó, hôn nhân giữa anh chị là hợp pháp nên được pháp luật công nhận và bảo vệ, nay chị T có yêu cầu ly hôn, Tòa án thụ lý và giải quyết theo thủ tục chung.

Xét yêu cầu ly hôn của chị T thì thấy: Mâu thuẫn của anh chị phát sinh từ việc anh D thường rượu chè, nóng tính mà chửi mắng và đánh chị T. Anh D không quan tâm đến gia đình, mọi việc trong gia đình đều do chị T lo lắng và chăm sóc, dẫn đến giữa chị và mẹ chồng xảy ra mâu thuẫn nhưng anh D không hòa giải được. Khoảng năm 2009 – 2010 chị T nộp đơn ly hôn và anh D cam kết thay đổi nhưng sau đó không thay đổi mà vẫn rượu chè, cờ bạc nên ngày 14-4-2019 chị T bỏ đi thuê nhà trọ sống cho đến nay. Tòa án đã nhiều lần tổ chức phiên hòa giải để hàn gắn tình cảm vợ chồng của anh chị nhưng anh D không đến, chứng tỏ anh D đã bỏ mặc đến tình cảm của vợ chồng và không có thiện chí đoàn tụ với chị T. Xét thấy, hôn nhân của anh chị đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài và mục đích của hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị T là có căn cứ và phù hợp với Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về con chung: Có 01 người con chung tên Nguyễn Thành N, sinh ngày 30-01-2004. Chị T yêu cầu giao cháu N cho anh D được quyền tiếp tục nuôi dưỡng và chị không phải cấp dưỡng nuôi con.

Xét thấy, anh D cũng yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu N và qua xem xét nguyện vọng của cháu N là muốn được sống với anh D nên Hội đồng xét xử cần giao cháu N cho anh D được quyền tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp với các điều 81 và 82 của Luật Hôn nhân và gia đình. Ghi nhận anh D không yêu cầu chị T phải cấp dưỡng nuôi con.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Anh chị không yêu cầu giải quyết.

Từ những nhận định trên xét thấy đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] *Về án phí:* Chị T phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 và điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 56, 81 và 82 của Luật Hôn nhân và gia đình.

1. *Về hôn nhân:* Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị Mộng T đối với anh Nguyễn Tiến D. Chị T được ly hôn với anh D.

2. *Về con chung:* Giao cho anh D có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Nguyễn Thành N, sinh ngày 30-01-2004. Ghi nhận anh D không yêu cầu chị T phải cấp dưỡng nuôi con.

Chị T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. *Về tài sản chung và nợ chung:* Anh chị không yêu cầu giải quyết.

4. *Về án phí:* Chị T phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị T đã nộp là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu số 0009138 ngày 07 tháng 5 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gò Dầu. Chị T đã nộp xong tiền án phí.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Riêng bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND huyện Gò Dầu;
- CC.THADS huyện Gò Dầu;
- UBND thị trấn G;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Võ Tuấn Anh